

Số: **5484**/BTC-QLN

V/v đào tạo nguồn nhân lực
giữa Trung Quốc và các nước
đang phát triển

Hà Nội, ngày **25** tháng **4** năm 2025

Kính gửi:

- Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;

Bộ Tài chính nhận được công hàm số 080/2025 ngày 17/3/2025 của Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam về việc nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển, Bộ Thương mại Trung Quốc đã triển khai dự án đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ 1-3 năm tại các trường đại học Trung Quốc và đề nghị phía Việt Nam nghiên cứu cử học viên tham gia.

Thông tin chi tiết về các khóa đào tạo, đối tượng tham dự và các nội dung liên quan, đề nghị Quý Cơ quan tham khảo tại công thư và tài liệu kèm theo.

Trường hợp Quý cơ quan có nhu cầu cử cán bộ, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan thực hiện theo hướng dẫn tại công thư và gửi văn bản cử người về Bộ Tài chính trước ngày **20/05/2025** làm căn cứ tổng hợp, thông báo cho phía Trung Quốc.

Bộ Tài chính xin cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./. **qj**

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTr Nguyễn Đức Chi (để b/c)
- Vụ TCCB;
- ĐQS Trung Quốc tại Việt Nam;
- Lưu: VT, QLN (**69b**). **h**

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NỢ
VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
PHÓ CỤC TRƯỞNG

**Nguyễn Xuân Thảo**



中 华 人 民 共 和 国 大 使 馆

河内，2025年3月17日

第：080 /2025

中华人民共和国驻越南社会主义共和国大使馆向越南社会主义共和国财政部致意并通报如下：

为增进中国与发展中国家人力资源培训合作，中国商务部以中国政府奖学金方式委托中国各高校实施学制1至3年，面向发展中国家的2025年援外学历学位教育项目(MOFCOM Scholarship-University Program)，邀请越方派学员参加。项目具体信息如下：

2025年中国商务部援外学历学位教育项目包括委托33所高校承办的39个项目（项目清单见附件1），学员独立成班。各项目招生简章可通过如下网址查看或下载：<https://www.china-aibo.cn/en/info/1005/1497.htm>。

学员在华学习费用由中国商务部资助，包括给予硕士 36000 元/人/年、博士 42000 元/人/年的生活补助；3000 元/人的一次性安置费；校内免费住宿；学习和调研考察费；往返国际机票以及来华综合医疗保险等。建议越方推荐45岁以下能熟练使用英语从事专业课程学习的学员参加，于2025年5月31日前填报推荐学员名单（附件2）并按招生简章要求

提供相关报名材料。请贵部指导学员务必在规定时间内完成各高校招生简章要求的网申。

联系人：黄东梅，一等秘书，电话：0901762656，
Email:vn@mofcom.gov.cn。

顺致崇高敬意。

- 附件：1. 2025年学历学位教育项目列表
2. 学历学位教育项目推荐名单列表



主送：越南财政部

(Bản dịch không chính thức)

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2025

Số: 080 /2025

Đại sứ quán nước CHND Trung Hoa tại nước CHXHCN Việt Nam kính chào Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam và trân trọng thông báo như sau:

Nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực giữa Trung Quốc và các nước đang phát triển, Bộ Thương mại Trung Quốc đã triển khai dự án đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ 1-3 năm tại các trường đại học Trung Quốc cho các nước đang phát triển, với hình thức cấp Học bổng Chính phủ Trung Quốc (*MOFCOM Scholarship-University Program*), đề nghị Quý Bộ cử học viên tham gia. Thông tin dự án như sau:

MOFCOM Scholarship-University Program năm 2025 có **39 dự án đào tạo tại 33 trường** Đại học Trung Quốc(Danh sách kèm theo phụ lục 1), lưu học sinh của dự án sẽ được thành lập lớp học riêng. Thông tin và file hướng dẫn tuyển sinh các dự án có thể truy cập qua trang website:<https://www.china-aibo.cn/en/info/1005/1497.htm>.

Bộ Thương mại Trung Quốc sẽ hỗ trợ các chi phí cho người đi học như sinh hoạt phí RMB 36.000/năm/người (cấp thạc sĩ), RMB 42.000/năm/người (cấp tiến sĩ), phí bố trí chỗ ở một lần RMB 3.000, ký túc xá miễn phí tại trường, phí học tập và khảo sát, vé máy bay quốc tế khứ hồi và bảo hiểm y tế tổng hợp v.v. Đề nghị phía Việt Nam cử học viên dưới 45 tuổi có trình độ tiếng Anh đạt yêu cầu tham gia các khóa học chuyên môn và cung cấp danh sách sinh viên theo mẫu biểu (phụ lục 2) và tài liệu đăng ký có liên quan theo yêu cầu của dự án tuyển sinh trước ngày 31/5/2025. Đồng thời đề nghị Quý Bộ chỉ đạo các học viên nhất thiết phải đăng ký trên mạng theo hướng dẫn tuyển sinh của dự án trong thời gian quy định.

Mọi việc xin vui lòng liên hệ: Ms. Hoàng Đông Mai, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Trung Quốc, Tel: 0901762656, Email: vn@mofcom.gov.cn.

Nhân dịp này, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam xin một lần nữa

gửi tới Bộ Tài Chính Việt Nam lời chào trân trọng và lời cảm ơn chân thành.

Phụ lục

1: 2025 List of MOFCOM Degree Education Programs

2: MOFCOM Scholarship Recommendation List (University Program)

Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Tài chính Việt Nam

2025 List of MOFCOM Degree Education Programs

序号	项目名称	承办单位	学制	招生人数	开学时间	毕业时间
1	2025 Master Program in Public Policy	Peking University	1	25	2025/9/1	2026/8/31
2	2025 Master Program in Public Administration (National)	Peking University	1	30	2025/9/1	2026/8/31
3	2025 Doctoral Program in Studies of National Development	Peking University	3	40	2025/9/1	2028/8/31
4	2025 Master Program of Urban and Rural Planning	Beijing Jiaotong University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
5	2025 Master Program on Traffic and Transportation Engineering	Beijing Jiaotong University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
6	2025 Master Program of Forest Economics and Policy	Beijing Forestry University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
7	2025 Master Program of Business Administration	Beijing Normal University	1	45	2025/9/1	2026/8/31
8	2025 Master Program of Educational Management and Policies	Northeast Normal University	2	25	2025/9/1	2027/8/31
9	2025 Master Program of Business Administration	University of International Business and Economics	1	50	2025/9/1	2026/8/31
10	2025 Master Program of Tourism and Hotel Management	Harbin University of Commerce	2	30	2025/9/1	2027/8/31
11	2025 Master Program of Industrial Engineering and Management	Hunan University	2	25	2025/9/1	2027/8/31
12	2025 Master Program of Education	East China Normal University	1	35	2025/9/1	2026/8/31
13	2025 Master Program of Information and Communication Engineering	Huazhong University of Science and Technology	2	45	2025/9/1	2027/8/31
14	2025 Master Program of Public Diplomacy	Jilin University	1	20	2025/9/1	2026/8/31
15	2025 Master Program of International Business	Jiangxi University of Finance and Economics	2	30	2025/9/1	2027/8/31
16	2025 Master Program of Public Health	Southern Medical University	2	40	2025/9/1	2027/8/31
17	2025 Master Program of Fishery Science	Nanjing Agricultural University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
18	2025 Master Program of Auditing	Nanjing Audit University	2	40	2025/9/1	2027/8/31
19	2025 Master Program of Meteorology	Nanjing University of Information Science and	2	20	2025/9/1	2027/8/31
20	2025 Master Program of Software Engineering	Nankai University	2	45	2025/9/1	2027/8/31
21	2025 Master Program of Public Administration in International Development and Governance	Tsinghua University	1	20	2025/9/1	2026/8/31
22	2025 Master Program of International Public Administration	Tsinghua University	2	15	2025/9/1	2027/8/31
23	2025 Master Program of Professional Accounting Program	Shanghai National Accounting Institute	2	30	2025/9/1	2027/8/31
24	2025 Master's Program in Environmental Engineering	Suzhou University of Science and Technology	2	25	2025/9/1	2027/8/31

25	2025 Master Program in Environmental Management and Sustainable Development	Tongji University	2	30	2025/9/1	2027/8/31
26	2025 Master Program of International Relations	China Foreign Affairs University	1	20	2025/9/1	2026/8/31
27	2025 Master Program of International Law and Chinese Law	Wuhan University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
28	2025 Master Program of Electrical Engineering	Xi'an Jiaotong University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
29	2025 Master Program of Rail Transit Electrification and Information	Southwest Jiaotong University	2	20	2025/9/1	2027/8/31
30	2025 Master Program of Project Management	Yunnan University of Finance & Economics	2	35	2025/9/1	2027/8/31
31	2025 Master Program of Comparative Education	Zhejiang Normal University	2	25	2025/9/1	2027/8/31
32	2025 Master Program of International Communication	Communication University of China	1	20	2025/9/1	2026/8/31
33	2025 Master Program in Journalism and Communication (Digital Communication Orientation)	Communication University of China	2	30	2025/9/1	2027/8/31
34	2025 Master Program of Rural Development and Management Studies	China Agricultural University	2	30	2025/9/1	2027/8/31
35	2025 Master Program of Development and Governance	Renmin University of China	2	15	2025/9/1	2027/8/31
36	2025 Master Program of Social Work (Women's Leadership and Social Development)	China Women's University	2	25	2025/9/1	2027/8/31
37	2025 Master Program of Advanced Nursing Practice & Medical Technology in Developing Countries	Central South University	2	25	2025/9/1	2027/8/31
38	2025 Master's Degree Program in Transportation Engineering (Rail Transportation Equipment)	Central South University	2	25	2025/9/1	2027/8/31
39	2025 Master Program of Public Administration In Chinese Governance	Sun Yat-sen University	1	25	2025/9/1	2026/8/31

援外学历学位教育项目推荐名单列表（直招项目）

MOFCOM Scholarship Recommendation List (University Program)

[illegible]

2025年援外学历学位教育项目列表

序号	项目名称	承办单位	学制	招生人数	开学时间	毕业时间
1	2025级公共管理（公共政策）硕士项目	北京大学	1	25	2025年9月1日	2026年8月31日
2	2025级南南合作与发展学院公共管理（国家发展）硕士项目	北京大学	1	30	2025年9月1日	2026年8月31日
3	2025级南南合作与发展学院国家发展学博士项目	北京大学	3	40	2025年9月1日	2028年8月31日
4	2025级城乡规划学硕士项目	北京交通大学	2	20	2025年9月1日	2027年8月31日
5	2025级交通运输工程硕士项目	北京交通大学	2	20	2025年9月1日	2027年8月31日
6	2025级林业经济与政策硕士项目	北京林业大学	2	20	2025年9月1日	2027年8月31日
7	2025级工商管理硕士项目	北京师范大学	1	45	2025年9月1日	2026年8月31日
8	2025级教育管理与政策硕士项目	东北师范大学	2	25	2025年9月1日	2027年8月31日
9	2025级工商管理IEMBA硕士项目	对外经济贸易大学	1	50	2025年9月1日	2026年8月31日
10	2025级旅游与酒店管理硕士项目	哈尔滨商业大学	2	30	2025年9月1日	2027年8月31日
11	2025级工业工程与管理硕士项目	湖南大学	2	25	2025年9月1日	2027年8月31日
12	2025级教育学硕士项目	华东师范大学	1	35	2025年9月1日	2026年8月31日
13	2025级信息与通信工程硕士项目	华中科技大学	2	45	2025年9月1日	2027年8月31日
14	2025级公共外交硕士项目	吉林大学	1	20	2025年9月1日	2026年8月31日
15	2025级国际商务硕士项目	江西财经大学	2	30	2025年9月1日	2027年8月31日
16	2025级公共卫生硕士项目	南方医科大学	2	40	2025年9月1日	2027年8月31日
17	2025级渔业硕士项目	南京农业大学	2	20	2025年9月1日	2027年8月31日
18	2025级审计硕士项目	南京审计大学	2	40	2025年9月1日	2027年8月31日
19	2025级气象学硕士项目	南京信息工程大学	2	20	2025年9月1日	2027年8月31日
20	2025级软件工程硕士项目	南开大学	2	45	2025年9月1日	2027年8月31日
21	2025级国际公共管理硕士项目	清华大学	1	20	2025年9月1日	2026年8月31日
22	2025级国际发展与治理硕士项目	清华大学	2	15	2025年9月1日	2027年8月31日
23	2025级会计硕士项目	上海国家会计学院	2	30	2025年9月1日	2027年8月31日
24	2025级环境工程硕士项目	苏州科技大学	2	25	2025年9月1日	2027年8月31日
25	2025级环境管理与可持续发展硕士项目	同济大学	2	30	2025年9月1日	2027年8月31日
26	2025级国际关系硕士项目	外交学院	1	20	2025年9月1日	2026年8月31日